

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản chung, nợ
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Hoạt và ông Doanh Thiêm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham
gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn,
tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
44/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung, chia tài sản chung, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
06/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mã Thị P, sinh năm 1973, có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Hà Văn L, sinh năm 1976, có mặt

Đều trú tại: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng CS; địa chỉ: Phố L,
phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Hoàng Thị H - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện N, tỉnh
Bắc Kạn (theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ - NHCS ngày 25/11/2016 của
Tổng giám đốc Ngân hàng CS và Quyết định ủy quyền số 72/UQ - NHCS ngày
14/5/2018 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện N, tỉnh Bắc Kạn),
vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Mã Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Bà tổ chức lễ cưới với ông Hà Văn L vào tháng 12 năm 1993 và đến tháng 11 năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn nhưng vì các con nên bà bỏ qua. Từ năm 2014, ông L thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập bà nên bà bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm để nuôi con, nhưng ông L vẫn không để bà yên ổn. Do đó, bà phải vào xã T làm bếp cho Trường bán trú T, cuối tuần mới về nhà. Vào ngày 30/3 (âm lịch) năm 2016, ông L có cầm gậy và dao đuổi đánh bà. Cháu Hà Huỳnh Đ can ngăn kịp thời. Từ đó vợ chồng bà sống ly thân nhưng ông L thường xuyên tìm đánh bà. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là Hà Văn N, sinh ngày 24/4/1996 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 và Hà Huỳnh Đ, sinh ngày 01/10/2002, hiện đang ở với bà. Sau khi ly hôn, các con muốn ở với ai là quyền của các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà hiện có 01 lô đất ở diện tích 12m x 25 m = 300m² trị giá 36.000.000đ; trên đất ở có 01 ngôi nhà 02 tầng, bếp, chuồng lợn có tổng diện tích 07m x 25m có trị giá 300.000.000đ và 01 ngôi nhà gỗ diện tích 5m x 6m trị giá 50.000.000đ; 02 thửa đất ruộng ở thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn gồm một thửa 1700m², một thửa 300m². Giá trị của 02 thửa đất ruộng là 100.000.000đ. Cả đất ở và đất ruộng đều chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn bà yêu cầu sử dụng diện tích đất ở 5m x 25m và nhà gỗ trên đất này và 02 thửa đất ruộng. Tuy nhiên, ngày 07/5/2018, bà P rút yêu cầu về chia tài sản chung vì đất đai chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Bà có đứng tên vay tiền của Ngân hàng CS thông qua Phòng giao dịch huyện N nhiều lần và hiện nay còn dư nợ một món vay 50.000.000đ từ ngày 19/5/2016. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu ông L phải cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi, mỗi bên chịu một nửa nợ gốc và lãi.

* Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông tổ chức lễ cưới với bà Mã Thị P vào tháng 12 năm 1993 và đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bà P ngoại tình. Ông có thường xuyên uống rượu say nhưng việc ông đánh đập vợ như bà P trình bày là không có. Vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 người con chung như bà P trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi con Hà Huỳnh Đ và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Ông xác định vợ chồng ông không có tài sản chung. Các tài sản do bà P trình bày và yêu cầu chia là tài sản riêng của ông nên ông không chấp nhận chia các tài sản này.

Về nợ chung: Không có. Khoản vay 50.000.000đ mà bà P vay của Ngân hàng CS là nợ riêng của bà P. Bà P vay không hỏi ý kiến của ông và ông không biết bà P vay dùng vào mục đích gì nên ông không có trách nhiệm trả nợ cùng bà P.

* Trong quá trình tố tụng, đại diện Ngân hàng CS trình bày: Hộ gia đình bà Mã Thị P, ông Hà Văn L có vay tiền tại Ngân hàng CS - Phòng Giao dịch huyện N, tỉnh Bắc Kạn thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn N số tiền 50.000.000đ theo Khế ước số 6600000707405767 ngày 19/5/2016, mục đích sử dụng là nuôi trâu sinh sản, mức lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Gia đình ông L đã ủy quyền cho bà Mã Thị P đứng ra quan hệ với ngân hàng CS trong việc vay vốn và trả nợ. Hiện nay tiền gốc chưa trả là 50.000.000đ, tiền lãi chưa trả tính đến ngày 20/6/2018 là 110.000đ. Với số nợ trên đề nghị bà P, ông L và các thành viên trong gia đình đủ 18 tuổi phải trả đầy đủ số nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh hằng tháng. Khoản nợ vay này là không thể chia tách. Do vậy bà P vẫn là người đứng tên trong khế ước, quan hệ với Ngân hàng trong việc trả nợ và thực hiện nghĩa vụ theo quy ước hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn cho đến khi trả hết khoản nợ vay cả gốc và lãi.

Ngày 14/5/2018, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp, nguyên đơn và bị đơn thống nhất về thuận tình ly hôn, nuôi con chung; nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Nguyên đơn, bị đơn không thống nhất được ai phải trả khoản nợ vay ngân hàng.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát huyện Ngân Sơn phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đầy đủ, đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Vợ chồng bà P, ông L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Như vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao con chung Hà Huỳnh Đ cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận. Khoản vay 50.000.000đ tại Ngân hàng CS là nợ chung vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Bà P được ly hôn ông L.

Về con chung: Giao con Hà Huỳnh Đ cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phương không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Buộc ông L phải liên đới cùng bà P trả khoản vay 50.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh, mỗi bên chịu một nửa nợ gốc. Ghi nhận bà P tự nguyện trả khoản tiền lãi chưa trả tính đến ngày 20/6/2018 là 110.000đ. Bà P, ông L còn phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc mình phải trả kể từ ngày 21/6/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ghi nhận bà P tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 400.000đ. Bà P được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Yêu cầu khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung. Tranh chấp giữa các bên đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Bà Mã Thị P và ông Hà Văn L tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau từ tháng 12/1993 và đến ngày 14/11/2002 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông L được công nhận từ tháng 12/1993. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng được cả hai bên thừa nhận. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thể hiện là từ tháng 3 (âm lịch) năm 2016 vợ chồng bà P, ông L ly thân, không ai quan tâm đến ai; quá trình tố tụng, ông L nhất trí ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông L, bà P có 02 con chung là Hà Văn N, sinh ngày 24/4/1996 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 và Hà Huỳnh Đ, sinh ngày 01/10/2002, hiện đang ở với bà P. Hiện nay, con lớn đã trưởng thành. Quá trình tố tụng, bà P và L thống nhất giao con Hà Huỳnh Đ cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng và bà P không phải cấp dưỡng nuôi

con. Xét thấy, sau khi ly thân, bà P đi ở nhờ, điều kiện về chỗ ở khó khăn nên thỏa thuận giữa hai đương sự về người trực tiếp nuôi con chung là hợp lý, đảm bảo cho sự phát triển của cháu Đ. Do đó, cần chấp nhận thỏa thuận giữa hai bên đương sự là giao con Hà Huỳnh Đ cho ông L nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông L không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện bà có yêu cầu chia khối tài sản chung là đất ở, tài sản trên đất ở, đất ruộng. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu đối với phần tài sản với do đất đai chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với chia tài sản chung là tự nguyện và đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Vợ chồng bà P, ông L có vay của Ngân hàng CS thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 50.000.000đ. Theo hợp đồng vay vốn do Ngân hàng CS cung cấp thì người vay vốn là bà Mã Thị P, vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo, mục đích nuôi trâu sinh sản, lãi suất 0,55%/tháng, lãi quá hạn 130%, hạn trả cuối đến ngày 08/5/2021. Đại diện Ngân hàng CS cũng xác nhận hộ gia đình bà P sử dụng vốn vay đúng mục đích.

HĐXX nhận thấy khoản vay ngày 19/5/2016 thuộc Chương trình cho vay hộ nghèo theo Giấy đề nghị vay vốn do bà Mã Thị P ký nằm trong thời kỳ hôn nhân của ông Hà Văn L và bà Mã Thị P. Trong sổ vay vốn ông Hà Văn L ký phần thừa kế.

Điều 106 của Bộ luật Dân sự 2005 có nội dung:

“ Chủ hộ là đại diện hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ..

2. Giao dịch dân sự do đại diện hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình”

Điều 110 của Bộ luật Dân sự năm 2005 có nội dung:

“1. Hộ gia đình phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện nhân danh hộ gia đình”.

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có nội dung:

“1. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...của Luật này”.

Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có nội dung:

“1. Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Quá trình tố tụng, bà P khai bà vay số tiền 50.000.000đ của Ngân hàng CS để trả nợ các khoản vay trước đó của Ngân hàng CS. Cụ thể: Ngày

30/5/2007 bà vay 30.000.000đ và vợ chồng bà mua một máy cày với giá 11.000.000đ, mua một con trâu với giá hơn 7.000.000đ và trả 10.000.000đ cho món vay của ông L tại Ngân hàng NN huyện N từ năm 1994. Số tiền còn lại ông L chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay máy cày vẫn còn, con trâu thì vợ chồng bà bán đi vào năm 2007 được 7.000.000đ và dùng số tiền bán trâu để làm nền nhà cũ vào năm 2008 (nhà này nay không còn). Ngày 24/6/2012, bà vay 30.000.000đ để trả nợ của món vay ngân hàng năm 2007. Ngày 15/6/2015, bà vay 30.000.000đ để trả món vay ngân hàng năm 2012. Ngày 19/5/2016, bà vay 50.000.000đ để trả món vay ngân hàng của năm 2015 và để trả món vay 20.000.000đ của bà Mã Thị H (địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N) vì vào năm 2014, bà P có vay của bà H số tiền 20.000.000đ để mua lợn nái sinh sản. Số tiền bán lợn được bao nhiêu tiền thì nay bà không còn nhớ và có dùng số tiền này mua đồ ăn cho gia đình, chi phí học hành của con. Ngày 08/12/2015, bà vay 12.000.000đ nhưng không sử dụng nên năm 2017 bà đã trả lại Ngân hàng.

Xét thấy, lời khai của bà P phù hợp với lời khai của bà Mã Thị H có trong hồ sơ vụ án. Hơn nữa, tại phiên tòa ông L cũng thừa nhận năm 2007 vợ chồng ông có vay số tiền 30.000.000đ của Ngân hàng CS để mua trâu, mua máy cày. Số tiền bán trâu được dùng để làm ngôi nhà cũ, máy cày thì nay vẫn còn và ông đang quản lý; năm 2012 vợ chồng ông vay 30.000.000đ để trả món vay của năm 2007; năm 2015 vợ chồng ông được vay tiền 30.000.000đ để mua lợn nái sinh sản; các khoản vay 12.000.000đ ngày 08/12/2015 và 50.000.000đ ngày 19/5/2016 và vay của bà Mã Thị H thì ông không được biết. Đồng thời, ông L cũng không có tài liệu chứng minh bà P không sử dụng số tiền 50.000.000đ vay được vào mục đích chung của gia đình. Đại diện Ngân hàng CS cũng thừa nhận đây là khoản nợ chung của gia đình, bà P chỉ là người đại diện cho gia đình tham gia quan hệ với ngân hàng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định khoản vay 50.000.000đ ngày 19/5/2016 được bà P dùng vào mục đích chung của gia đình và là nợ chung của vợ chồng. Do đó, cần buộc ông Hà Văn L phải liên đới cùng bà Mã Thị P trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng CS. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện trả tiền lãi chưa trả tính đến ngày 20/6/2018 là 110.000đ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Tại phiên tòa, bà P tự nguyện chịu 400.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà Mã Thị P được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 30, 56, 58, 60, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 106, Điều 110 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Mã Thị P được ly hôn ông Hà Văn L.

2. Về con chung: Ông Hà Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Huỳnh Đ, sinh ngày 01/10/2002 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Hà Văn L không yêu cầu bà Mã Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Mã Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc ông Hà Văn L phải liên đới cùng bà Mã Thị P trả khoản vay của Ngân hàng CS theo Khế ước số 6600000707405767 ngày 19/5/2016. Cụ thể:

- Bà Mã Thị P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CS (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện N) số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc và 110.000đ (*một trăm mười nghìn đồng*) tiền lãi (tính đến ngày 20/6/2018). Tổng cộng là 25.110.000đ (*hai mươi lăm triệu một trăm mười nghìn đồng*).

- Ông Hà Văn L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CS (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện N) số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc.

- Đồng thời, ông Hà Văn L và bà Mã Thị P còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc mà mình phải trả tính từ ngày 21/6/2018 trở đi cho đến khi trả xong nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Mã Thị P tự nguyện chịu 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận bà P đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên.

6. Về án phí: Bà Mã Thị P được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*"

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Ngân Sơn);
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh